TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 249/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2020.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoàng
2. Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai– Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1976.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976.

Cùng trú tại: Tổ 16, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

(Nguyên đơn chị L, bị đơn anh T đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2006. Sau khi cưới vợ , chồng chị sống hạnh phúc được thời gian đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn . Nguyên nhân mâu thuẫn là anh T đi làm về không chăm lo cho vợ con, mình chị làm ăn nuôi con anh T không đóng góp. Ngoài ra, do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh T thường xuyên ghen tuông vô cớ và đánh đập chị L nhiều lần. Ngoài ra, anh T không lo làm ăn mà chỉ chơi bời cờ bạc. Chị L khai cũng đã gửi đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn nhưng nghĩ thương các con nên

chị xin rút lại đơn. Thế nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình của mình. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị L khai vợ chồng chị có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Văn Tuấn V, sinh ngày 30/9/2006

2. Nguyễn Văn Tuấn M, sinh ngày 28/3/2008.

Chị L có nguyện vọng xin nuôi hết 02 con chung đến 18 tuổi, trưởng thành. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị L khai anh T làm lao động tự do

- Về tài sản chung: Chị L yêu cầu để vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: Chị L khai vợ chồng không có nợ chung.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất lời khai của chị L về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh kết hôn như chị L trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh T cho rằng vợ chồng nào không mâu thuẫn. Còn việc vợ anh anh có lỗi hay không thì tự vợ anh biết, anh không có chứng cứ để chứng minh. Anh T không muốn vợ chồng ly hôn. Anh muốn nuôi các con đến tuổi trưởng thành. Khi các con đã đủ tuổi lúc đó vợ anh muốn ly hôn anh sẽ đồng ý.

- Về con chung: Anh T thống nhất anh chị có 02 con chung tên là:

1. Nguyễn Văn Tuấn V, sinh ngày 30/9/2006

2. Nguyễn Văn Tuấn M, sinh ngày 28/3/2008.

Nếu ly hôn anh T thống nhất giao các con cho chị L nuôi dưỡng. Anh T khai anh làm lao động tự do, thu nhập không ổn định nên khả năng anh chỉ cấp dưỡng cho mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Anh T thống nhất để vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Nợ chung: Anh T thống nhất không có

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và thỏa thuận của các đương sự về con chung, giao các con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự thống nhất không yêu cầu nên không xét. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 43/2006 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 04/7/2006 nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L anh T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không hạnh phúc. Theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo chăm sóc gia đình. Anh T thường xuyên cờ bạc, ghen tuông đánh đập chị L. Theo anh T nguyên nhân mâu thuẫn là do lỗi ở chị L. Trước đây chị L có đơn xin ly hôn và đã được Tòa án thụ lý nhưng sau đó chị L rút đơn và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị L và anh T thực sự có mâu thuẫn nhau. Tòa án đã cố gắng hòa giải cho các bên đoàn tụ làm ăn nuôi con. Nhưng nay chị L vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng L xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L anh T thống nhất có 02 con chung tên là: Nguyễn Văn Tuấn V, sinh ngày 30/9/2006 và Nguyễn Văn Tuấn M, sinh ngày 28/3/2008. Vợ chồng chị L anh T thống nhất giao các con cho chị L nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc người trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L và anh T không thống nhất mức cấp dưỡng. Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.500.000đồng. Anh T chỉ muốn cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng theo yêu cầu của anh T là hợp lý, bởi lẽ: Anh T là lao động phổ thông, thu nhập không ổn định. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng tại Quảng Nam là 3.430.000đ/tháng. Anh T phải chi tiêu cho nhu cầu tối thiểu của bản thân. Nên mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung như yêu cầu của anh T là phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Anh T chị L đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Anh T và chị L đều thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu số tiền: 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0005489 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) anh T phải nộp.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 2 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5; Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L. Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự thống nhất của vợ chồng chị L và anh T. Vợ chồng chị L anh T có 02 con chung tên là: Nguyễn Văn Tuấn V, sinh ngày 30/9/2006 và Nguyễn Văn Tuấn M, sinh ngày 28/3/2008.

2.1. Ghi nhận sự thống nhất, thỏa thuận của vợ chồng chị L và anh T. Giao các cháu Nguyễn Văn Tuấn V, sinh ngày 30/9/2006 và Nguyễn Văn Tuấn M, sinh ngày 28/3/2008 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Buộc anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung là các cháu Nguyễn Văn Tuấn V, sinh ngày 30/9/2006 và Nguyễn Văn Tuấn M, sinh ngày 28/3/2008 cùng chị L mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000đ(một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2020 cho đến khi các cháu V, M đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh T không chịu thi hành thì hàng tháng anh T còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Anh T và chị L thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0005489 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng) anh T phải nộp.

6. Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện.T;*
- *Chi cục THA.DS huyện.T;*
- *UBNDxã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên, đóng dấu)

Đặng Phùng Thành